

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂY SƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 29 – 8 – 2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Minh Trí

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đinh Ven

Ông Đặng Văn Trị

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Kim Châu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Bà N có mặt, ông T vắng mặt lần 2 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 29/10/2012.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ ông T ở thôn P, xã T, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Năm 2020, ông T dẫn cả gia đình lên Gia Lai làm ăn, đến năm 2021 ra Hoài Nhơn thuê nhà ở làm ăn. Trong quá trình chung

sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân ông T gia trưởng, vũ phu, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và hay đánh đập bà. Xét thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà không còn tình cảm với ông T. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là:

Nguyễn Thành Đ, (Giới tính: Nam), sinh năm 04/02/2014

Nguyễn Phát L, (Giới tính: Nam), sinh năm 24/03/2016

Sức khỏe hai cháu bình thường. Hiện nay hai cháu đang ở chung với vợ chồng, cháu Đ đang học lớp 2, Trường tiểu học số 2 T, Hoài Nhơn. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi cháu Đ theo nguyện vọng của cháu, còn cháu L do ông T nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Tuyết N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, kết hôn vào ngày 29/10/2012 tại UBND xã T, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ ông ở thôn P, xã T, Tây Sơn, Bình Định. Cách khoảng 2 – 3 năm nay, vợ chồng dẫn con ra Hoài Nhơn thuê nhà ở và làm ăn, trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nay bà N xin ly hôn với ông thì ông không đồng ý vì vợ chồng vẫn còn yêu thương nhau và ông không muốn hai con ông sống theo đạo thiên chúa giống mẹ.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là:

Nguyễn Thành Đ, (Giới tính: Nam), sinh năm 04/02/2014

Nguyễn Phát L, (Giới tính: Nam), sinh năm 24/03/2016

Sức khỏe hai cháu bình thường. Hiện nay hai cháu đang ở chung với vợ chồng, cháu Đ đang học lớp 2, Trường tiểu học số 2 T, Hoài Nhơn. Ông không đồng ý ly hôn nên không muốn chia con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa giải quyết giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người T hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh T. Về nội dung: Áp dụng Điều 8, 9, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bác đơn yêu cầu xin ly hôn của bà

Lê Thị Tuyết N đối với ông Nguyễn Văn T vì bà N không đưa ra được chứng cứ chứng minh mâu thuẫn trầm trọng, ông T và bà N cũng mới ly thân thời gian gần đây. Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng vẫn T hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Tuyết N và ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 29/10/2012 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp theo Luật Hôn nhân và gia đình. Ông bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo bà N do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, ông T gia trưởng, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên bà yêu cầu ly hôn với ông T, ông T tha thiết xin đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái, ông sẽ khắc phục những thiếu sót đem lại hạnh phúc cho gia đình. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Tuyết N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo trình bày của bà Lê Thị Tuyết N và ông Nguyễn Văn T trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm có cơ sở xác định. Từ khi bà N và ông T kết hôn đến cuối năm 2021 thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N và ông T chỉ mới phát sinh từ tháng 03/2022, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà N là do ông T có người phụ nữ khác và đánh đập bà nhưng bà N không đưa ra được chứng cứ chứng minh mâu thuẫn trầm trọng, ông T và bà N mới ly thân thời gian gần đây từ khi bà N có đơn khởi kiện thì bà N bỏ về phía nhà cha mẹ bà ở xã M, Phù Mỹ, Bình Định sống nhưng các con vẫn ở với anh T. Xét thấy lý do xin ly hôn của bà N chưa có tính thuyết phục. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng như bà N đã trình bày trong đơn khởi kiện, đồng thời ông T cũng xác định ông vẫn còn tình cảm với bà N luôn tha thiết mong Tòa án hòa giải, động viên để vợ chồng đoàn tụ, hứa sẽ có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, để tạo điều kiện cho bà N, ông T có thời gian suy nghĩ và có quyết định chính xác đối với vấn đề hôn nhân của mình. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Tuyết N về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Bà Lê Thị Tuyết N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn sau 01 năm, kể từ ngày bản án của Tòa án bác đơn ly hôn có hiệu lực pháp luật.

[3] Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Tuyết N nên các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, và khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lê Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai số 0007248 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn (đã nộp xong).

[5] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.*

*Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;*

*Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lê Thị Tuyết N về việc xin ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2. Bà Lê Thị Tuyết N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn sau 01 năm, kể từ ngày bản án của Tòa án bác đơn ly hôn có hiệu lực pháp luật.

3. Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Tuyết N đối với ông Nguyễn Văn T nên các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007248 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã kí)

**Lê Thị Minh Trí**

